

**Phụ lục 1**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020**

(Kèm theo Tờ trình số 734 /TTr-UBND ngày 19 / 02 /2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2020 (Ngàn đồng)	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>	<b>84,600,000</b>	
<b>I</b>	<b>Đề án Hỗ trợ thôn bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ (Kế hoạch số 7627/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh)</b>	<b>30,700,000</b>	
<b>1</b>	<b>UBND huyện Núi Thành</b>	<b>5,372,500</b>	
	Xã Tam Hải (7 thôn)	5,372,500	
<b>2</b>	<b>UBND huyện Thăng Bình</b>	<b>4,605,000</b>	
	Xã Bình Nam (6 thôn)	4,605,000	
<b>3</b>	<b>UBND huyện Tây Giang</b>	<b>9,977,500</b>	
	Xã Tr'hy (6 thôn)	4,605,000	
	Xã Ch'om (7 thôn)	5,372,500	
<b>4</b>	<b>UBND huyện Nam Giang</b>	<b>10,745,000</b>	
	Xã Chợ Chun (3 thôn)	2,302,500	
	Xã La Êê (3 thôn)	2,302,500	
	Xã Đắc Pre (4 thôn)	3,070,000	
	Xã Đắc Pring (4 thôn)	3,070,000	
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 và Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018</b>	<b>38,900,000</b>	Chi tiết theo Phụ lục 2
<b>III</b>	<b>Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020</b>	<b>15,000,000</b>	
	Huyện Duy Xuyên	15,000,000	UBND huyện Duy Xuyên chọn danh mục đầu tư theo Đề án triển khai Quyết định 676/QĐ-TTg đã xây dựng, báo cáo HĐND huyện thống nhất để thực hiện các bước tiếp theo theo phân cấp của UBND tỉnh trong Chương trình NTM

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2020**

*(Kèm theo Tờ trình số 734 /TTr-UBND ngày 19 / 02 /2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

*DVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục HTX và	Địa điểm	Năm thành lập	Ngành nghề	Doanh Thu			Lý do đầu tư, nâng cấp	Quy mô, công suất	Dự kiến tổng mức đầu tư			Đã cấp năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2020
					Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Tổng số	Trong đó			
											NSTW (80%)	Nguồn vốn khác* (20%)		
										<b>70,218</b>	<b>53,928</b>	<b>16,290</b>	<b>15,000</b>	<b>38,900</b>
<b>I</b>	<b>ĐIỆN BÀN</b>									<b>20,840</b>	<b>16,212</b>	<b>4,628</b>	<b>5,530</b>	<b>10,680</b>
1	<b>HTX NN ĐIỆN PHƯƠNG</b>	Triêm Trung 2, Điện Phương	1979	KDDV Thủy nông BVTV, vật tư NN, điện	8,630	9,698				2,375	1,900	475	500	1,400
1.1	Kênh chính trạm bơm Triêm Nam							Tuyến kênh này được xây dựng năm 2002 bằng tấm lát bê tông, nay đã hư hỏng nặng, rất khó khăn trong vận hành tưới gây thất thoát nước	Kênh bê tông, chiều dài 1,5km, (BxH)=(10 0x140) cm, phục vụ tưới cho 90ha	1,575	1,260	315		1,260
1.2	Kho vật tư nông nghiệp							Chưa có kho vật tư	Sức chứa: 20 tấn phân; 10 tấn giống; 10 tấn vôi	800	640	160	500	140
2	<b>HTX NN ĐIỆN MINH 1</b>	Thôn Trung Phú II - Điện Minh	1978	Dịch vụ	1,058	1,289	1,270			<b>1,650</b>	<b>1,320</b>	<b>330</b>		<b>1,320</b>

2.1	Kênh chính trạm bơm Điện Bình							Kênh tám lát hư hỏng xuống cấp, không đảm bảo nước tưới	Kênh bê tông chiều dài 1km, (BxH)=(80x100)cm, phục vụ tưới cho 82ha	1,050	840	210		840
2.2	Nhà kho							Kinh doanh sản xuất giống nhưng không có nhà kho để vật tư, giống	300m2	600	480	120		480
<b>3</b>	<b>HTX NN ĐIỆN MINH II</b>	Bồng Lai, Điện Minh	1978	Nông Nghiệp	1,700	3,200				<b>1,350</b>	<b>1,080</b>	<b>270</b>	<b>860</b>	<b>220</b>
3.1	Kênh tưới từ Ông Đổ Khương đến Sông Cừ							HTX đã xây dựng từ năm 1980 đến nay	1.5 km, DT tưới 50 ha	1,350	1,080	270	860	220
<b>4</b>	<b>HTX NN ĐIỆN AN 1</b>	Bằng An, Điện An	1978	Nông Nghiệp	3,986	6,174	5,046			<b>1,000</b>	<b>800</b>	<b>200</b>		<b>800</b>
4.1	Kênh Ngõ Khu đến Kiều mẫu trạm bơm trạm bơm Bằng An							Kênh đất xuống cấp hư hỏng, không đảm bảo nước tưới	Kênh bê tông chiều dài 1km, (BxH)=(60x60)cm, phục vụ nước tưới cho 52	1,000	800	200		800
<b>5</b>	<b>HTX NN ĐIỆN AN 2</b>	Ngọc Liên- Điện An	1978	sản xuất lúa giống	4,627	5,175				<b>600</b>	<b>480</b>	<b>120</b>	<b>400</b>	<b>80</b>
5.1	Hạng mục : Đầu tư lò sấy lúa giống	Ngọc Liên- Điện An						Sản xuất lúa giống nhưng chưa có lò sấy, mùa mưa bị thiệt hại	Sấy 12 tấn /1lần	600	480	120	400	80

<b>6</b>	<b>HTX NN ĐIỆN AN 3</b>	Phong Nhị, Điện An	1978	Dịch vụ Nông nghiệp	1,327	1,378				<b>1,850</b>	<b>1,480</b>	<b>370</b>	<b>530</b>	<b>950</b>
6.1	Kênh KN4-Trạm bơm Đông Hồ							Kênh được xây dựng năm 1985 bằng kênh đất; nay không thể phục vụ nước tưới, cử tri nhiều lần kiến nghị	Kênh bê tông chiều dài 1,05km, (BxH)=(60 x60) cm, phục vụ tưới cho 55ha	1,050	840	210		840
6.2	Đầu tư lò sấy lúa giống							Nâng cấp công suất lò sấy để đảm bảo mở rộng diện tích lúa giống	Sấy 12 tán / 1m <sup>2</sup>	600	480	120	400	80
6.3	Đầu tư sửa chữa kho							Chế biến, bảo quản lúa giống	Diện tích 200m <sup>2</sup>	200	160	40	130	30
<b>7</b>	<b>HTX NN DVSX- KDTH ĐIỆN THỌ I</b>	La Trung – Điện Thọ	1978	Dịch vụ sản xuất giống, thủy nông, điện	10,699	10,800	11,000			<b>1,000</b>	<b>800</b>	<b>200</b>		<b>800</b>
7.1	Kênh Thỏ Bình trạm bơm Cẩm Văn							Kênh đất xuống cấp hư hỏng, không đảm bảo nước tưới	Kênh bê tông chiều dài 1km, (BxH)=(60 x60)cm, phục vụ nước tưới cho 53 ha	1,000	800	200		800
<b>8</b>	<b>HTXNN ĐIỆN THẮNG NAM</b>		2019	Nông nghiệp			300			<b>1,040</b>	<b>832</b>	<b>208</b>		<b>830</b>

8.1	Kênh chính trạm bơm Trà Dục							Tuyến kênh này được XD từ năm 2002 bằng tấm lát bê tông; nay đã hư hỏng nặng; rất khó khăn trong vận hành tưới gây thất thoát nước.	Kênh bê tông chiều dài 01km, (BxH)=(80 x100)cm, phục vụ tưới cho 80 ha	1,040	832	208		830
9	<b>HTX NN ĐIỆN QUANG</b>	xã Điện Quang	1978	Nông nghiệp, đầu tư sản xuất theo chuỗi giá trị	7,745	9,500	10,000			<b>1,000</b>	<b>800</b>	<b>200</b>		<b>800</b>
9.1	Kênh trạm bơm Xuân Đài							Kênh đất xuống cấp hư hỏng, không đảm bảo nước tưới	Kênh bê tông chiều dài 1km, (BxH)=(60 x60)cm, phục vụ nước tưới cho 54 ha	1,000	800	200		800
10	<b>HTX NÔNG NGHIỆP 1 ĐIỆN PHƯỚC</b>	Điện Phước, Điện Bàn,	1978	Các dịch vụ phục vụ SX Nông nghiệp	14,714	15,973				<b>1,000</b>	<b>800</b>	<b>200</b>		<b>800</b>
10.1	Kênh công Vân đến Hồ Chức trạm bơm Hạ Nông							Kênh đất, xuống cấp sạt lở, bồi lấp không đảm bảo nước tưới	Kênh bê tông chiều dài 1km, (BxH)=(60 x60)cm, tưới cho 56 ha	1,000	800	200		800
11	<b>HTX NN ĐIỆN HÒA 3</b>	Thôn Xóm Bùng	1978	Nông nghiệp	2,787	3,129				<b>1,800</b>	<b>1,440</b>	<b>360</b>	<b>1,100</b>	<b>340</b>

11.1	Kênh KN4-Trạm bơm Đông Quang							Kênh này xuống cấp hư hỏng nặng; rất khó khăn trong vận hành tưới gây thất thoát nước.	Chiều dài kênh 2100m, tưới 53 ha lúa, hoa màu	1,800	1,440	360	1,100	340
<b>12</b>	<b>HTX NN ĐIỆN HỒNG 1</b>	Thôn Giáo Ái	1979	Nông nghiệp	876	17,000	18,500			<b>1,800</b>	<b>1,440</b>	<b>360</b>	<b>1,100</b>	<b>340</b>
12.1	Kênh mương							kênh đất	tưới 100ha	1,800	1,440	360	1,100	340
<b>13</b>	<b>HTX NN ĐIỆN HỒNG 2</b>		1978	Nông nghiệp		17,000	18,500			<b>1,575</b>	<b>1,260</b>	<b>315</b>		<b>1,260</b>
13.1	Kênh chính trạm bơm Bến Đình							Kênh hư xuống cấp không đảm bảo nước tưới	Kênh bê tông chiều dài 1,5km, (BxH)=(80x100)cm, phục vụ nước tưới cho 81 ha	1,575	1,260	315		1,260
<b>14</b>	<b>HTX NN ĐIỆN PHONG</b>	Thôn Tân Thành, xã Điện Phong	1985	KDDV Thủy nông, Điện đất màu, nước uồng đóng chai	-75	4,005				<b>2,200</b>	<b>1,300</b>	<b>900</b>	<b>1,040</b>	<b>260</b>
14.1	Trạm bơm Bàu Làng							2 Trạm bơm này được xây dựng từ năm 2000 đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng	2 động cơ	1000	800	200	640	160

14.2	Văn phòng làm việc							Chưa có nhà làm việc	Sửa chữa lại khu nhà kho NVH để làm nơi làm việc cho HTX	1200	500	700	400	100
15	<b>HTXNN THÁI SƠN</b>		2014	Nông nghiệp		6000	7000			<b>600</b>	<b>480</b>	<b>120</b>		<b>480</b>
15.1	Lò sấy giống							Chưa có lò sấy	Lò sấy công suất 15 tấn/mê	600	480	120		480
<b>II</b>	<b>ĐẠI LỘC</b>									<b>11,775</b>	<b>8,720</b>	<b>3,055</b>	<b>930</b>	<b>7,786</b>
1	<b>HTXNN ĐẠI THẠNH</b>	Thôn Mỹ Lệ, Đại Thạnh	2008	Liên kết sản xuất lúa giống, thủy lợi	1,919	2,576				<b>500</b>	<b>400</b>	<b>100</b>	<b>320</b>	<b>80</b>
1.1	Trụ sở nhà làm việc							Chưa có nhà làm việc	100 m2	500	400	100	320	80
2	<b>HTXNN ĐẠI CHÁNH</b>	Thôn Thạch Trung, Đại Chánh	1990	Cá bè lồng, dịch vụ thủy lợi	1480	451				<b>320</b>	<b>256</b>	<b>64</b>	<b>210</b>	<b>46</b>
2.1	Sân phơi							Chưa có sân phơi	700 m2	120	96	24	80	16
2.2	Nhà kho							Bị xuống cấp	100 m2	200	160	40	130	30
3	<b>HTXNN ĐẠI AN</b>	Thôn Quảng Huế, Đại An	2007	Dịch vụ nông nghiệp	7.121	5.024				<b>1,500</b>	<b>500</b>	<b>1,000</b>	<b>400</b>	<b>100</b>
3.1	Trụ sở nhà làm việc							Chưa có trụ sở	Nhà cấp 3	1,500	500	1,000	400	100
4	<b>HTX NN ĐẠI LÃNH</b>	Thôn Đại An, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc	1979	Nông nghiệp		2,142	2,220			<b>750</b>	<b>600</b>	<b>150</b>		<b>600</b>

4.1	Trạm bơm Sông Con Hà Tân (Thay mới 2 mô tơ + tua bin + đường ống)							Mô tơ + tua bin xuống cấp, đường ống bị rỉ sét không đáp ứng nhu cầu thực tế	Công suất của mô tơ: 33 kW, đường ống dài 35m, đường kính 32 cm, tưới cho 55 ha	750	600	150		600
5	<b>HTX DVNN – KDTH ĐẠI QUANG</b>	Xã Đại Quang	1979	KDTH		10,833	11,000			<b>800</b>	<b>640</b>	<b>160</b>		<b>640</b>
5.1	Hạng mục: Đường điện hạ thế vào nhà máy sấy lúa gò dinh	Xã Đại Quang						Phục vụ sản xuất	800 mét	800	640	160		640
6	<b>HTX DVNN KDTH ĐẠI HIỆP</b>	Tích Phú, xã Đại Hiệp	1998	DVNN-KDTH		30,600	32,500			<b>2,100</b>	<b>1,680</b>	<b>420</b>		<b>1,680</b>
6.1	XD kênh nội đồng N3							Phục vụ SX, thay thế kênh cũ xuống cấp và kênh đất	Dài 3000,m; 0,4x0,4, Tưới 120ha	1,800	1,440	360		1,440
6.2	Sân phơi							Mở rộng SX vì hiện nay không có	20mx50m= 1000m2, Dùng cho toàn xã	200	160	40		160



6.3	Cửa hàng VT Nngiệp							Mở rộng SX vì hiện nay quá nhỏ	10mx5m=50m2, Dùng cho toàn xã	100	80	20	80
7	<b>HTX NN ĐẠI THẮNG</b>	Thôn Phú Bình, xã Đại Thắng	1979	DVNN		8,167	8,500			<b>525</b>	<b>420</b>	<b>105</b>	<b>420</b>
7.1	Lò sấy							Phục vụ sấy giống lúa liên kết SX và nông sản thương phẩm	20 tấn/mê	350	280	70	280
7.2	Sân phơi							Phục vụ phơi nông sản và thu mua	800m2 = 144m3	175	140	35	140
8	<b>HTX NN ĐẠI PHONG</b>	Thôn Mỹ Đông	1979	Dịch vụ nông nghiệp		9,105	4,101			<b>430</b>	<b>344</b>	<b>86</b>	<b>340</b>
8.1	Sân phơi							Phục vụ phơi nông sản và thu mua.	2000 m2 = 360 m3	430	344	86	340
9	<b>HTX NN ĐẠI CƯỜNG</b>	Thôn Thanh Vân, xã Đại Cường	1979	Dịch vụ nông nghiệp		8,451	9,000			<b>500</b>	<b>400</b>	<b>100</b>	<b>400</b>
9.2	Nhà kho								Diện tích: 40m2, 20 tấn	300	240	60	240
9.3	Sân Phơi								Diện tích: 100m2, 2 tấn	200	160	40	160
10	<b>HTX NN ĐẠI MINH</b>	Thôn Tây Gia, xã Đại Minh		Dịch vụ nông nghiệp		10,537	4,990			<b>500</b>	<b>400</b>	<b>100</b>	<b>400</b>
10.1	Nhà kho							Thuận lợi cho việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm	50 m2	500	400	100	400
11	<b>HTX NN ÁI NGHĨA</b>	TT Ái Nghĩa –Đại Lộc	1978	DVNN		18,000	20,000			<b>1,800</b>	<b>1,440</b>	<b>360</b>	<b>1,440</b>

11.1	Xây dựng nhà kho chứa lúa xây dựng thương hiệu gạo Ái Nghĩa							Phát triển sản phẩm ocop, chống thất thoát sau thu hoạch.	1.000tấn / năm	1,800	1,440	360		1,440
12	<b>HTX NN ĐẠI NGHĨA</b>	Hòa Mỹ	1978	DVNN		9,000	10,000			<b>1,350</b>	<b>1,080</b>	<b>270</b>		<b>1,080</b>
12.1	Xây dựng kênh mương thôn Nghĩa Tây							Hệ thống kênh , mương sạt lở không đảm bảo nguồn nước tưới	1500m, tưới 50ha	1,350	1,080	270		1,080
13	<b>HTX NN ĐẠI HÒA</b>	Thôn 2 xã Đại Hòa huyện Đại Lộc	1978	DVNN		6,720	4,500			<b>700</b>	<b>560</b>	<b>140</b>		<b>560</b>
13.1	Quầy vật tư nông nghiệp							Đầu tư mới	40m2	200	160	40		160
13.2	Nhà kho							Hư hỏng cần sửa chữa	800m2	500	400	100		400
<b>III</b>	<b>NÔNG SƠN</b>									<b>250</b>	<b>200</b>	<b>50</b>		<b>170</b>
1	<b>HTX DVNN SƠN VIÊN</b>	Tôn Phước Bình, xã Sơn Viên	2017			267		Buôn bán phân bón, dịch vụ nông nghiệp, cung cấp nước		<b>150</b>	<b>120</b>	<b>30</b>		<b>100</b>
1.1	Sửa chữa Đập Thác Nại							Bị sạt lở đáy đập và hư hỏng 60m kênh chính	Tưới cho 95ha/vụ	150	120	30		100
2	<b>HTXNN NÔNG SƠN</b>	Thôn Trung Hạ, Quế Trung	2017			900	1,300	Buôn bán phân bón, dịch vụ nông nghiệp, cung cấp nước		<b>100</b>	<b>80</b>	<b>20</b>		<b>70</b>

2.1	Nâng cấp trạm bơm tưới nước thùy lợi tại trạm bơm Đồng Chợ, Đồng Hương	Thôn Trung Phước II						Thiết bị vận hành đã xuống cấp, khả năng đáp ứng dịch vụ chưa mang lại hiệu quả cao	Công suất động cơ 15Kw/h	100	80	20	70	10
<b>IV</b>	<b>BẮC TRÀ MY</b>									<b>600</b>	<b>480</b>	<b>120</b>		<b>480</b>
<b>1</b>	<b>HTX SX&amp;KDD V NLN NHÂN NGHĨA</b>	Thôn 1, xã Trà tân	2017	Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông lâm ngư nghiệp	1.100	1.400				<b>600</b>	<b>480</b>	<b>120</b>		<b>480</b>
1.1	Trụ sở nhà làm việc							Hiện đang mượn nhà thành viên làm trụ sở làm việc	100 m2, 03 phòng làm việc	300	240	60		240
1.2	Nhà kho							Hiện chưa có kho chứa đóng gói sản phẩm sản xuất cũng như chứa vật tư phục vụ sản xuất	200 m2	300	240	60		240
<b>V</b>	<b>TAM KỲ</b>									<b>150</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>100</b>	<b>20</b>
<b>1</b>	<b>HTXNN ĐÔNG HÀNH</b>	Thôn Thọ Tân, xã Tam Ngọc	2016	Nông nghiệp		235	75			<b>150</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>100</b>	<b>20</b>
1.1	Điện sản xuất nông nghiệp (trụ điện, dây điện)							Các hộ tự kéo điện nên không đảm bảo an toàn sản xuất		150	120	30	100	20
<b>VI</b>	<b>NÚI THÀNH</b>									<b>7,319</b>	<b>5,855</b>	<b>1,464</b>	<b>1,150</b>	<b>4,687</b>

1	<b>HTXNN PHÚ ĐÔNG</b>	Thôn Phú Hưng, Tam Xuân 1	1978	DV thủy nông, VTNN, lúa giống, XDCT giao thông, thủy lợi	2.225	2.659	2,800			<b>1,800</b>	<b>1,440</b>	<b>360</b>		<b>1,440</b>
1.1	Bê tông hóa kênh mương nội đồng							Công trình xuống cấp	2km, phục vụ tưới 70 ha	1,800	1,440	360		1,440
2	<b>HTXNN THẠCH BÍCH</b>	Tam Xuân 2	1978	Dịch vụ thủy nông, cung ứng giống cây trồng, VTNN, thủy lợi, chăn nuôi gia súc	3.665	3,110	3,421			<b>2,049</b>	<b>1,639</b>	<b>410</b>	<b>1,150</b>	<b>489</b>
2.1	Sân phơi							Chưa có	500 m2	69	55	14	50	5
2.2	Nhà kho chứa phân bón, giống							Xây mới để chứa giống, phân bón, thuốc BVTV	80 m2	180	144	36		144
2.3	Bê tông kênh							Kênh đất	4,2 km, tưới cho 50ha lúa, 2 vụ	1,800	1,440	360	1,100	340
3	<b>HTXNN TAM HÒA</b>	Xã Tam Hòa	1999	Tưới tiêu, xây dựng, nước SH, chế biến rau câu		1,855	1,000			<b>500</b>	<b>400</b>	<b>100</b>		<b>400</b>
3.1	Nâng cấp đường ống nước SH	Khu vực Đông Tân, thôn Xuân Tân						Hệ thống NSH do Đông Tây hội ngộ tài trợ xây dựng 2005 đến nay xuống cấp	1,5km; 130 hộ sử dụng	200	160	40		160

3.2	Nâng cấp đường ống nước SH	Khu vực Đông Tân, thôn Bình An						nặng, bể chứa hư, đường ống rò rỉ. Tại đây không có nước ngọt, xung quanh nước nhiễm mặn	2km; 125 hộ sử dụng	200	160	40		160	
3.3	Sân phơi sản phẩm rau câu							Chưa có	300m2, 50kg khô/ngày	100	80	20		80	
4	<b>HTXNN AN PHÚ</b>	Thôn Phú Khê, xã Tam Xuân 2	1978	Thủy lợi, SX lúa giống, vật tư NN		3,676	4,000				<b>2,970</b>	<b>2,376</b>	<b>594</b>	<b>2,358</b>	
4.1	Kênh nội đồng							Xuống cấp hư hỏng	3.300m, tưới cho trên 50ha	2,970	2,376	594		2,358	
<b>VII</b>	<b>NAM TRÀ MY</b>									<b>2,000</b>	<b>1,600</b>	<b>400</b>	<b>1,200</b>	<b>400</b>	
1	<b>HTX SÂM NGỌC LINH</b>	Thôn 2, xã Trà Linh	2019	Trồng rừng, ươm cây giống, trồng cây dược liệu							<b>2,000</b>	<b>1,600</b>	<b>400</b>	<b>1,200</b>	<b>400</b>
1.1	Đường giao thông vào vùng sản xuất sâm	Thôn 4, xã Trà Linh						Hiện không có đường giao thông nên việc phát triển vùng nguyên liệu sâm rất khó khăn	1.100m nền	2,000	1,600	400	1,200	400	
<b>VIII</b>	<b>QUÊ SƠN</b>									<b>3,400</b>	<b>2720</b>	<b>680</b>	<b>1030</b>	<b>1,690</b>	
1	<b>HTXNN HUƠNG AN</b>	Xã Hương An	2009	Thủy lợi, vật tư NN, điện, giết mổ tập trung		2,598	2,761				<b>600</b>	<b>480</b>	<b>120</b>	<b>380</b>	<b>100</b>
1.1	Sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Thôn 8, xã Hương An						Chưa có quầy VTNN	Xây dựng cấp 4, nhà kho 80 m2, cửa hàng vật tư 40 m2	600	480	120	380	100	

2	<b>HTXNN QUẾ LONG</b>	Xã Quế Long	2006	Thủy lợi, xây dựng cơ bản và DVNN khác	392	457				1,000	800	200	650	150
2.1	Đập dâng hồ chứa cây gạo	Thôn Trung Thượng, xã Quế Long						Xây dựng tạm, không tích đủ nước tưới phục vụ sản xuất	Nâng cấp đập dâng, tích nước hồ, phục vụ tưới 57ha	1,000	800	200	650	150
3	<b>HTX TRUNG TOÀN PHÁT</b>	Xã Phú Thọ	2018	Chăn nuôi, trồng cây dược liệu		1,200	1,500			1,800	1,440	360		1,440
3.1	Công trình điện							Phục vụ nhu cầu SXKD của HTX	360 KVA	1,800	1,440	360		1,440
<b>IX</b>	<b>TIỀN PHƯỚC</b>									<b>5,680</b>	<b>4,544</b>	<b>1,136</b>	<b>1,790</b>	<b>2,750</b>
1	<b>HTXNN &amp; KDDV TIỀN PHONG</b>	Thôn 3, Tiên Phong	2013	Giống cây trồng, chăn nuôi, trồng trọt	1.160	1.350		Phát triển sản xuất		450	360	90		360
1.1	Đường GT nội đồng	Thôn 2, xã Tiên Phong							Dài 500m đi vào khu sản xuất 120ha cây lâm nghiệp, 7ha cây ăn quả	450	360	90		360
2	<b>HTXNN TIỀN AN</b>	Thôn 6, xã Tiên An	2018	Chăn nuôi gà, trồng trọt	0					1,800	1,440	360	1,160	280
2.1	Trạm bơm Vực đá	Thôn 6 cũ, Tiên An							Tưới 13 ha lúa, 50 ha cây ăn quả	1,400	1,120	280	900	220

2.2	Giao thông nội đồng	Thôn 6 (tuyến Ông Trì Quới - bà Nghiệp						Phát triển sản xuất	500 m, đi vào khu sản xuất lúa nếp 4 ha, 10 ha cây ăn quả, 100 ha cây lâm nghiệp	400	320	80	260	60
3	<b>HTX DỊCH VỤ NN TIÊN MỸ</b>	Thôn Mỹ Thượng Đông, xã Tiên Mỹ	2018	Trồng trọt	0			Phát triển sản xuất		<b>950</b>	<b>760</b>	<b>190</b>	<b>630</b>	<b>130</b>
3.1	Giao thông nội đồng	Suối nhỏ về vực chanh thôn 4							0,9 km vào khu vực trồng chuối 55 ha	800	640	160	530	110
3.2	Hệ thống nước tự chảy	Gành trãi về vực chanh							600m tưới vùng cây ăn quả 55 ha	150	120	30	100	20
4	<b>HTXNN CẢNH TIÊN</b>	Thôn 5, xã Cảnh Tiên	2017	Trồng rau, cây ăn quả	480	628				<b>900</b>	<b>720</b>	<b>180</b>		<b>720</b>
4.1	Đập dâng							Phát triển SX	dài 12m, dày 3m, cao 4m, Diện tích tưới trên 50ha	900	720	180		720
5	<b>HTX CHĂN NUÔI GIA CẦM, THỦY SẢN VỮNG XÓP</b>	Thôn 3, xã Tiên Phong	2017	Chăn nuôi vịt, gà, cá đồng	305	650				<b>140</b>	<b>112</b>	<b>28</b>		<b>110</b>

5.1	Điện vào nơi sản xuất							Phát triển SX	Dài 500m, trụ điện, dây điện	140	112	28		110
6	<b>HTXNN - DU LỊCH THANH HÀ</b>	Thôn Thanh Tân, xã Tiên Châu	2019	Trồng cây ăn quả, chăn nuôi gà, vịt, cá đồng						990	792	198		790
6.1	Đập dâng hồ chứa nước cây sung								Dài 15m, dày 3m, cao 4m, tưới trên 50ha	350	280	70		280
6.2	Đường bê tông								Trục chính dài 500m, rộng 3,5m, dày 17cm đi vào khu sản xuất 130ha cây lâm nghiệp, 10ha cây ăn quả	400	320	80		320
6.3	Hệ thống điện vào khu SX								dài 800m gồm dây điện, trụ điện	240	192	48		190
7	<b>HTXNN NAM TIẾN</b>	Xã Tiên Sơn	2013	Nông nghiệp						450	360	90		360
7.1	Cửa hàng vật tư nông nghiệp					5,700		Phát triển SX	Nhà cấp 4, diện tích 150m <sup>2</sup>	450	360	90		360
<b>X</b>	<b>PHÚ NINH</b>									<b>3,700</b>	<b>2,960</b>	<b>740</b>	<b>2,000</b>	<b>960</b>



1	<b>HTX TAM THÀNH 2</b>	Thôn 6, xã Tam Thành	2012	DV thủy nông, SX giống, cung ứng phân bón	3,500	4,200				500	400	100	320	80
1.1	Nhà kho							Chưa đầu tư	300m2	300	240	60	190	50
1.2	Sân phơi							Chưa đầu tư	500m2	200	160	40	130	30
2	<b>HTXNN VÀ KDDVTH TAM ĐÀN</b>	Thôn Thạch Hòa 2, xã Tam Đàn	2015	SX lúa giống	6,359	5,085				1,800	1,440	360	1,100	340
2.1	Kênh mương nội đồng (2km)							Chưa đủ đáp ứng tưới tiêu	Tưới cho 50ha	1,800	1,440	360	1,100	340
3	<b>HTX DVNN KDTH TAM AN 2</b>	Thôn An Thiện, xã Tam An	1979	DVNN, SX lúa giống, thủy nông	5,300	4,700				900	720	180	580	140
3.1	Nhà kho							Chưa đầu tư	120m2	600	480	120	380	100
3.2	sân phơi							Mở rộng	500m2	100	80	20	70	10
3.3	Lò sấy giống							Mở rộng	84m2	200	160	40	130	30
4	<b>HTX DVNN&amp;K DTH TAM PHƯỚC</b>	Thôn Thành Mỹ, Xã Tam Phước	1979	Sản xuất lúa giống		3,024	3,200			500	400	100		400
4.1	Sân phơi							Chưa đầu tư	1 tấn/ngày	200	160	40		160
4.2	Nhà kho							Chưa đầu tư	30 tấn	300	240	60		240
<b>XI</b>	<b>DUY XUYỀN</b>									<b>14,204</b>	<b>10,277</b>	<b>3,927</b>	<b>1,100</b>	<b>9,177</b>
1	<b>HTX DUY SON</b>	Thôn Chiêm Sơn, xã Duy Sơn	2016	Dịch vụ thủy lợi, điện, nước sạch	14,400	17,778	18,581			3,704	1,877	1,827	1,100	777

1.1	Đầu tư bể lọc bậc thang, bể chứa							Bể lọc chính nhiều vị trí bị hỏng mất chức năng lọc	Làm mới bể lọc 03 bậc thang : Dài 20 m , rộng 6 m , cao bình quân 2,5 m; Làm mới bể chứa : Dài 15 m , rộng 6 m , cao 2,5 m. Phục vụ nước sinh hoạt cho 1000 hộ	1,721	1,377	344	1,100	277
1.2	Nhà làm việc							Chưa có trụ sở	6 phòng làm việc, 1 phòng họp, 1 công trình phụ trợ, diện tích 348m2	1,983	500	1,483		500
<b>2</b>	<b>HTX DUY THÀNH</b>	Thôn Thi Thại, xã Duy Thành	1978	Dịch vụ nông nghiệp		4,570	4,600			<b>6,000</b>	<b>4,800</b>	<b>1,200</b>		<b>4,800</b>
2.1	Nâng cấp trạm bơm Thi Thại							Đã xuống cấp, hư hỏng nặng, xây dựng năm 1993, gồm 2 tổ máy bơm với công suất 66 kW	Mở rộng diện tích tưới từ 73-98ha	3,500	2,800	700		2,800
2.2	Xây mới mương tưới trạm bơm Thi Thại							Đã hư hỏng nặng	Dài 500m (1mx1,2m), tưới 100ha	1,000	800	200		800
2.3	Xây mới mương tưới trạm bơm Ly Ly							Đã hư hỏng nặng, kênh đắp đất	Dài 2km (40x60m), tưới 50ha	1,500	1,200	300		1,200

3	<b>HTX DUY PHƯỚC</b>	Xã Duy Phước	1977	Dịch vụ nông nghiệp		4,600	4,700			4,500	3,600	900		3,600
3.1	Xây mới hệ thống trạm bơm và kênh tưới 3/2							Đầu tư mới	Mở rộng diện tích tưới từ 70-90ha	4,500	3,600	900		3,600
<b>XII</b>	<b>HIỆP ĐỨC</b>									<b>300</b>	<b>240</b>	<b>60</b>		<b>240</b>
1	<b>HTXNN HÒN KÈM</b>	Thôn Trà Linh Đông, xã Hiệp Hòa	2018	Trồng nấm, chăn nuôi lợn			1,000			300	240	60		240
1.1	Hạ diện 3 pha và xây dựng nhà kho							Mở rộng sản xuất	Hạ diện 3 pha và xây dựng nhà kho	300	240	60		240